

Phụ lục 01. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học**III. Tuyển sinh đào tạo vừa làm vừa học****1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

TT	Lĩnh vực	Mã ngành	Chỉ tiêu	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành VB	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
	Tổng số		1775				
1	Kinh doanh và quản lý		1010				
1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	240	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1961
1.2	Marketing	7340115	60	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1986
1.3	Bất động sản	7340116	0	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2022
1.4	Kinh doanh quốc tế	7340120	0	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1995
1.5	Kinh doanh thương mại	7340121	0	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1989
1.6	Thương mại điện tử	7340122	150	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2018
1.7	Tài chính - Ngân hàng	7340201	80	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1961
1.8	Bảo hiểm	7340204	0	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1995
1.9	Ngân hàng	7340205	0				
1.10	Kế toán	7340301	180	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1961
1.11	Kiểm toán	7340302	150	40/QĐ-ĐHKQTĐ	10/1/2020	ĐHKQTĐ	2020
1.12	Khoa học quản lý	7340401	50	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2018
1.13	Quản lý công	7340403	50	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2022
1.14	Quản trị nhân lực	7340404	50	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1993
1.15	Hệ thống thông tin quản lý	7340405	0	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	2008
1.16	Quản lý dự án	7340409	0	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2022
2	Pháp luật		70				
2.1	Luật	7380101	35	1209/QĐ-BGDĐT	10/3/2004	Bộ GD&ĐT	1995
2.2	Luật kinh tế	7380107	35	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2016
3	Máy tính và công nghệ thông tin		70				
3.1	Khoa học máy tính	7480101	0	1209/QĐ-BGDĐT	10/3/2004	Bộ GD&ĐT	2004
3.2	Công nghệ thông tin	7480201	70	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2022
4	Công nghệ kỹ thuật		65				
4.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	65	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2018
5	Nông lâm nghiệp và thủy sản		0				
5.1	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	0	493/QĐ-ĐHKQTĐ	30/03/2021	ĐHKQTĐ	2021
5.2	Kinh tế nông nghiệp	7620115	0	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1961

6	Nhân văn		40				
6.1	Ngôn ngữ Anh	7220201	40	225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	2022
7	Khoa học xã hội và hành vi		355				
7.1	Kinh tế	7310101		225/QĐ-BGDĐT	11/1/2011	Bộ GD&ĐT	1961
7.2	Kinh tế đầu tư	7310104	200	184/QĐ-ĐHKQTĐ	24/02/2016	ĐHKQTĐ	1994
7.3	Kinh tế phát triển	7310105	155	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	1961
7.4	Kinh tế quốc tế	7310106	0	1208/QĐ-BGDĐT	13/04/2015	Bộ GD&ĐT	1992
7.5	Thống kê kinh tế	7310107	0	6038/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1965
7.6	Toán kinh tế	7310108	0				
8	Báo chí và thông tin		0				
8.1	Quan hệ công chúng	7320108	0	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2022
9	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân		100				
9.1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	50	6037/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	1989
9.2	Quản trị khách sạn	7810201	50	6037/QĐ-BGDĐT-	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2022
10	Môi trường và bảo vệ môi trường		65				
10.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	65	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2022
10.2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	0	6038/QĐ-BGDĐT	29/11/2011	Bộ GD&ĐT	2012
10.3	Quản lý đất đai	7850103	0	167/QĐ-ĐHKQTĐ	2/3/2018	ĐHKQTĐ	2022

Ghi chú:

- *Chỉ tiêu của các ngành có thể được điều chỉnh giữa các ngành, nhóm ngành để đáp ứng nhu cầu đào tạo của người học và đơn vị liên kết nhưng không được vượt quá chỉ tiêu của lĩnh vực đó.*

- *Chỉ tiêu liên thông từ các đẳng lên đại học tối đa bằng 20% tổng chỉ tiêu đại học Vừa làm vừa học theo từng ngành.*

2. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh

2.1. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp THPT:

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2.2. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp Trung cấp trở lên:

- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

3. Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh trong cả nước.

4. Phương thức tuyển sinh

4.1. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp THPT

- Trường xét tuyển theo học bạ THPT, cụ thể là xét theo điểm trung bình chung lớp 12 của 4 tổ hợp xét tuyển (A00; A01; D01; D07),
- Trường xét tuyển theo điểm thi đánh giá tư duy năm 2024 của Đại học Bách Khoa Hà Nội hoặc điểm thi đánh giá năng lực năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thí sinh dự tuyển được đăng ký nhiều nguyện vọng theo các ngành mà nhà trường thông báo và được xét lần lượt từng nguyện vọng theo thứ tự mà sinh viên đăng ký, khi thí sinh dự tuyển đã trúng tuyển theo nguyện vọng nào thì dừng ở nguyện vọng đó.

4.2. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp Trung cấp trở lên

- Trường xét tuyển theo kết quả học tập (bảng điểm) các cấp học từ Trung cấp trở lên của thí sinh;

Ghi chú: Đối với thí sinh tốt nghiệp trình độ Cao đẳng điểm chuẩn được xét chung nhưng đảm bảo không được vượt quá chỉ tiêu tối đa bằng 20% tổng chỉ tiêu đại học VLVH theo ngành đó.

- Thí sinh dự tuyển được đăng ký nhiều nguyện vọng theo các ngành mà nhà trường thông báo và được xét lần lượt từng nguyện vọng theo thứ tự mà sinh viên đăng ký, khi thí sinh dự tuyển đã trúng tuyển theo nguyện vọng nào thì dừng ở nguyện vọng đó.

4.3. Điểm chuẩn xét tuyển:

Trường sẽ xét điểm chuẩn theo từng đợt tuyển sinh và từng địa phương tuyển sinh.

5. Ngưỡng đầu vào

5.1. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp THPT:

- Thí sinh có tổng điểm trung bình cộng kết quả học tập 3 môn theo 4 tổ hợp (A00, A01, D01, D07) của lớp 12 THPT đạt từ 18 điểm trở lên.

- Thí sinh có điểm thi đánh giá năng lực (ĐGNL) năm 2023 hoặc năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội đạt từ **85 điểm** trở lên hoặc có điểm thi đánh giá tư duy (ĐGTD) năm 2024 của Đại học Bách Khoa Hà Nội đạt từ **60 điểm** trở lên.

+ Với điểm thi ĐGNL của ĐHQG Hà Nội:

$$\text{ĐXT} = \text{điểm ĐGNL} * 30/150 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

+ Với điểm thi ĐGTD năm 2024 của ĐHBK Hà Nội:

$$\text{ĐXT} = \text{điểm ĐGTD} * 30/100 + \text{điểm ưu tiên (nếu có)}$$

5.2. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp Trung cấp trở lên:

- Thí sinh có điểm xét tuyển (theo thang 30) từng đối tượng (xem mục 7.2 dưới đây) đạt từ 18 điểm trở lên.

6. Tổ chức tuyển sinh:

6.1. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp THPT:

- Trường tổ chức tuyển sinh trong cả năm và trên cả nước;
- Địa điểm học tại Trường và tại các cơ sở đào tạo của đơn vị liên kết ở các địa phương;
- Có thông báo cụ thể riêng cho mỗi đợt/lần tuyển sinh theo ngành, chuyên ngành/chương trình đào tạo tại mỗi địa điểm tổ chức lớp học (tại Trường hoặc tại các địa phương);
- Hồ sơ dự tuyển cần đầy đủ và thí sinh phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ;

- Trường không hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh sau khi thí sinh đã nộp;
- Trường xét tuyển theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng đã đăng ký. Nếu đã trúng tuyển nguyện vọng có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Điểm xét tuyển là điểm trung bình cộng kết quả học tập theo học bạ lớp 12 THPT của thí sinh theo tổ hợp xét tuyển.

- Quy mô tối thiểu để mở lớp ngành/chuyên ngành/chương trình đào tạo là 25 sinh viên, trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

6.2. Thí sinh là đối tượng tốt nghiệp Trung cấp trở lên:

- Trường tổ chức tuyển sinh trong cả năm và trên cả nước;
- Địa điểm học tại Trường và tại các cơ sở đào tạo của đơn vị liên kết ở các địa phương;
- Có thông báo cụ thể riêng cho mỗi đợt/lần tuyển sinh theo ngành, chuyên ngành/chương trình đào tạo tại mỗi địa điểm tổ chức lớp học (tại Trường hoặc tại các địa phương);
- Hồ sơ dự tuyển cần đầy đủ và thí sinh phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ;
- Trường không hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh sau khi thí sinh đã nộp;
- Trường xét tuyển theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng đã đăng ký. Nếu đã trúng tuyển nguyện vọng có ưu tiên cao hơn, thí sinh sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.

- Điểm xét tuyển theo từng đối tượng cụ thể như sau:

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp:

Điểm xét tuyển = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3.

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp cao đẳng:

Điểm xét tuyển = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) 0,5 điểm

+ Với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học:

Điểm xét tuyển = điểm trung bình chung học tập toàn khóa nhân (x) 3 cộng (+) 1,0 điểm

- Quy mô tối thiểu để mở lớp ngành/chuyên ngành/chương trình đào tạo là 25 sinh viên, trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

7. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với từng môn thi (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

- Từ năm 2023, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 điểm trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 19 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$

- Từ năm 2023, thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

8. Lệ phí xét tuyển

Thí sinh nộp phải nộp lệ phí xét tuyển theo mức quy định trong thông báo ngay khi nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển.

9. Học phí dự kiến và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Học phí theo ngành/chuyên ngành/chương trình và được thông báo từng học kỳ, năm học; năm học 2023 dự kiến khoảng từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/năm học.

Lộ trình tăng học phí tối đa 10% cho từng năm và thực hiện theo Nghị định số 81/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

10. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm

- Đợt chính tháng 2, 4 và 6 (thí sinh nộp hồ sơ từ 01/01 đến 20/6/2024)
- Đợt chính tháng 8, 10 và 12 (thí sinh nộp hồ sơ từ 21/6 đến 20/12/2024)
- Đợt bổ sung vào các tháng 3,5,7,11 tùy theo tình hình thực tế.

11. Các nội dung khác

- Thông báo trúng tuyển được Trường trên Cổng thông tin điện tử và báo cho thí sinh biết trước ngày nhập học 7 ngày.

- Quá thời hạn nhập học trong giấy báo nhập học, được xem là thí sinh từ chối nhập học.
- Thời gian học linh hoạt cả trong và ngoài giờ hành chính;
- Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ;
- Hình thức học kết hợp trực tiếp với trực tuyến.
- Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

Địa chỉ website: <http://neu.edu.vn/>; <http://khoataichuc.neu.edu.vn>

Hỗ trợ tư vấn tuyển sinh: <https://facebook.com/khoadaihoctaichuc.neu>

Hỗ trợ trực tiếp: Điện thoại 0886 193 399

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG KHOA ĐẠI HỌC TẠI CHỨC

Cán bộ kê khai



Trần Thị Nhung



PGS.TS Phạm Quang